

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2023/DS-ST
Ngày: 28-4-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thái Quân

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiện Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 224/2022/TLST-DS ngày 08/12/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2023/QĐST-DS ngày 17/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Võ Đức M, sinh năm 1980 - chủ hộ kinh doanh Hong V, địa chỉ: khóm Trung 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện PT, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Đức M: ông Võ Hong V, sinh năm 1949, nơi cư trú: khóm Trung 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện PT, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Mai Ngọc Ph, sinh năm 1962.

Nơi cư trú: tổ 12, ấp Tr 2, xã Tân Tr, huyện PT, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Kim Ch, sinh năm 1968.

Nơi cư trú: tổ 12, ấp Tr 2, xã Tân Tr, huyện PT, tỉnh An Giang.

(Ông Vân có mặt; ông Ph vắng mặt, bà Ch có yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn do ông Võ Hong V đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Mai Ngọc Ph có nhiều lần mua vật liệu xây dựng của ông Võ Đức M - chủ hộ kinh doanh Hong V, tuy không làm hợp đồng mua bán nhưng thỏa thuận 15 ngày sau khi giao hàng sẽ thanh toán, nếu không thanh toán thì đổi chiếu nợ và chốt lại số tiền còn nợ, lãi suất chậm trả 2%/tháng. Chứng cứ khởi kiện là biên bản xác nhận nợ từ ngày 17/02/2009 đến ngày 07/02/2017 số tiền 3.921.200 đồng, ngày 25/11/2016 đến 28/02/2020 số tiền 46.276.200 đồng, ngày 22/11/2021 số tiền 12.496.000 đồng, các biên bản có chữ ký tên và họ tên ông Mai Ngọc Ph. Biên bản ngày 17/02/2009 đến ngày 07/02/2017 ghi Mai Ngọc Ph và chú Quý nhưng không liên quan ông Quý vì ông Quý là người làm công của ông Ph, một số lần giao hàng do ông Quý nhận, hiện nay ông không biết ông Quý ở đâu nên không cung cấp được địa chỉ cho Tòa án. Đến cuối năm 2021, ông Ph còn nợ của ông M số tiền 62.694.400 đồng. Nay, yêu cầu ông Ph trả số tiền mua bán còn nợ 62.694.400 đồng, rút lại yêu cầu tính lãi và rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà Phạm Thị Kim Ch, chỉ yêu cầu ông Ph chịu trách nhiệm trả số tiền trên.

Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử, nhưng bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại biên bản ghi lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Kim Ch trình bày:

Trước đây bà và ông Ph là vợ chồng nhưng đã ly hôn vào năm 2014. Trước khi ly hôn, mặc dù là vợ chồng nhưng việc mua bán là của ông Ph và Cửa hàng Hong V nên bà không liên quan, không chịu trách nhiệm trả theo yêu cầu của nguyên đơn. Hiện nay, bà và ông Ph vẫn còn chung hộ khẩu gia đình, ông Ph đang cư trú tại nhà ở cụm khu công nghiệp Tân Trung nhưng do bệnh, điều trị nhiều nơi nên thường không có ở nhà. Ông Hong V nhiều lần đến tìm ông Ph và có gặp bà để đòi tiền mua bán của ông Ph, bà có thông tin lại cho ông Ph biết về việc ông Vân kiện ở Tòa án. Bà xác định chữ ký trong các biên bản xác nhận nợ do ông Hong V cung cấp đúng là chữ ký của ông Ph. Ông Phạm Ngọc Q trước kia là anh rể và làm công cho ông Ph, nhưng Q đã ly hôn với chị của bà, hiện nay không biết ở đâu. Yêu cầu được vắng mặt đến khi kết thúc vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT phát biểu ý kiến:

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Qua đó, cho thấy bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đức M – chủ hộ kinh doanh Hong V đối với bà Phạm Thị Kim Ch về trách nhiệm liên đới đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi do nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu tính lãi. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đức M, buộc

ông Mai Ngọc Ph trả cho ông M số tiền mua bán nợ 62.694.400 đồng. Ông Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn là hộ kinh doanh Hong V khởi kiện ông Mai Ngọc Ph đòi số tiền mua bán còn thiếu nên xác định là tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản theo quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Ph là bị đơn có nơi cư trú xã Tân Trung, huyện PT, An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PT theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự: Bà Ch là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Ph là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Ph, bà Ch.

[1.4] Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bà Phạm Thị Kim Ch cùng có nghĩa vụ liên đới với ông Ph trả tiền mua bán. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Ch và không yêu cầu tính lãi chậm trả từ khi chốt số nợ còn thiếu đến khi xét xử. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, nên căn cứ quy định tại Điều 5, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bà Phạm Thị Kim Ch có nghĩa vụ liên đới trả tiền mua bán và đối với yêu cầu tính lãi chậm trả.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi ông Mai Ngọc Ph trả số tiền mua bán còn nợ 62.694.400 đồng, số tiền này được các bên ký biên bản xác nhận nợ đến ngày 22/12/2021 thì ngưng đến nay chưa trả với chứng cứ là các biên bản xác nhận nợ có chữ ký tên ghi họ và tên của ông Ph. Bà Ch là vợ của ông Ph xác định mặc dù đã ly hôn nhưng ông bà vẫn còn chung hộ khẩu và có liên lạc thông tin việc ông M khởi kiện ông Ph đòi tiền mua bán, bà có nhận và thông tin lại cho ông Ph biết, nhưng do ông Ph bị bệnh thường xuyên đi trị bệnh nên không có ở nhà. Bà Ch xác định chữ ký tên ghi họ và tên tại các biên bản xác nhận nợ đúng là chữ ký của ông Mai Ngọc Ph. Tòa án đã triệu tập ông Ph để tham gia hòa giải 02 lần và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa ông Ph đều vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản phản đối yêu cầu trên của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng M.

[2.2] Mặc dù biên bản ngày 17/02/2009 đến ngày 07/02/2017 có ghi Mai Ngọc Ph và chú Quý nhưng người ký xác nhận nợ và giao dịch với cửa hàng Hong V là ông Ph. Bà Ch và ông Vân xác định ông Phạm Ngọc Quý chỉ là người làm công của ông Ph và hiện nay không biết ông Quý ở đâu, Tòa án đã xác M Ban áp cũng không biết được thông tin hiện nay của ông Q. Do đó, không đưa ông Phạm Ngọc Quý tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2.3] Tuy biên bản xác nhận nợ ngày 22/12/2021 có ghi thế chấp một số Ph tiện như xe Honda, căn nhà đang ở, đồ nội thất, ghế, tivi nhưng thực tế không bàn giao tài sản theo lời trình bày của nguyên đơn mà chỉ ghi để làm tin, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ quy định khoản 1 Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc ông Mai Ngọc Ph phải có nghĩa vụ trả cho ông Võ Đức M – chủ hộ kinh doanh Hong V số tiền 62.694.400 đồng.

[2] Về án phí DSST: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Ông Ph phải chịu án phí có giá ngạch (62.694.400 đồng x 5% = 3.135.000 đồng) theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bà Phạm Thị Kim Ch có nghĩa vụ liên đới trả tiền mua bán tài sản và đối với yêu cầu ông Mai Ngọc Ph trả tiền lãi chậm thanh toán.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu ông Mai Ngọc Ph về hợp đồng mua bán tài sản.

Buộc ông Mai Ngọc Ph phải có nghĩa vụ trả cho ông Võ Đức M – chủ hộ kinh doanh Hong V số tiền 62.694.400 đồng (Sáu mươi hai triệu sáu trăm chín mươi bốn ngàn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Đức M không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 đồng (Hai triệu) đồng theo biên lai thu số 0005839 ngày 07/12/2022 tại Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện PT, tỉnh An Giang.

Ông Mai Ngọc Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 3.135.000 đồng (Ba triệu một trăm ba mươi lăm ngàn).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Ph, bà Ch vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ